

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ NAM

Số: /CTHNA-TTHT
V/v cung cấp thông tin quyết toán thuế
năm 2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- Các đơn vị chi trả thu nhập trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Để giúp Quý đơn vị thực hiện tốt các quy định về quản lý thuế đối với Hồ sơ khai quyết toán thuế năm 2022, Cục Thuế tỉnh Hà Nam cung cấp một số thông tin về khai quyết toán đối với một số sắc thuế như sau:

1. Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) kỳ tính thuế năm 2022

1.1. Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2022:

Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (31/3/2023) hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm.

Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa) mà doanh nghiệp chuyển đổi kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp được chuyển đổi thì không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp, doanh nghiệp khai quyết toán khi kết thúc năm.

1.2. Hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN, ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Các phụ lục kèm theo: Một hoặc một số các phụ lục kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC (tùy theo thực tế phát sinh của từng NNT):

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN, theo mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN;

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN;

+ Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi theo mẫu số 03-3A/TNDN, mẫu số 03-3B/TNDN, mẫu số 03-3C/TNDN, mẫu số 03-3D/TNDN;

+ Phụ lục thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài theo mẫu số 03-4/TNDN;

+ Phụ lục thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN;

+ Phụ lục báo cáo trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ theo mẫu số 03-6/TNDN;

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với cơ sở sản xuất theo mẫu số 03-8/TNDN, mẫu số 03-8A/TNDN, mẫu số 03-8B/TNDN, mẫu số 03-8C/TNDN;

+ Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế TNDN tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm theo mẫu số 03-9/TNDN;

- Báo cáo tài chính năm;

- Tờ khai giao dịch liên kết:

Người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết có giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này có trách nhiệm kê khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế TNDN, gồm:

+ Phụ lục I: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết;

+ Phụ lục II: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ quốc gia;

+ Phụ lục III: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu.

- Các tài liệu khác có liên quan đến quyết toán thuế.

1.3. Một số lưu ý khi thực hiện kê khai quyết toán thuế TNDN kỳ tính thuế năm 2022:

- Về kê khai thuế TNDN, doanh nghiệp tự xác định, kê khai đầy đủ, chính xác thông tin tại Tờ khai quyết toán thuế TNDN (*mẫu 03/TNDN*) và các phụ lục kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN, trong đó lưu ý đến một số chỉ tiêu trên tờ khai mẫu 03/TNDN như sau: Chỉ tiêu [G1], [G3]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS; Chỉ tiêu [G2], [G4], [G5]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2022; Các chỉ tiêu [E], [G]: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.

- Doanh nghiệp phải xác định, kê khai thông tin giao dịch liên kết, cụ thể doanh nghiệp lưu ý xác định chính xác đối tượng phải kê khai, thực hiện kiểm soát và kê khai đầy đủ thông tin giao dịch liên kết, xác định đúng chi phí lãi vay được trừ (*mức khống chế 30%*) khi tính thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ để hạn chế sai sót.

- Về tạm nộp thuế TNDN theo Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/10/2022 được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2021:

+ Người nộp thuế phải tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế TNDN cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp

thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

+ Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

+ Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế TNDN theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được. Trường hợp chưa bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và chưa tính vào doanh thu tính thuế TNDN trong năm thì người nộp thuế không tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm mà tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN khi bàn giao bất động sản đối với từng phần hoặc toàn bộ dự án.

+ Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

Người nộp thuế phải tự xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tạm nộp quý chậm nhất vào ngày 30 của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ nộp và được trừ số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán năm.

Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

+ Thuế TNDN của hãng vận tải nước ngoài tạm nộp quý và khai quyết toán năm. Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước

- Về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2022:

+ Doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN, được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của kỳ tính thuế TNDN năm 2022 đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông

qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.

+ Trường hợp công ty mẹ nhận khoản ủng hộ, tài trợ của các đơn vị thành viên để tập trung đầu mỗi thực hiện hoạt động ủng hộ, tài trợ thì công ty mẹ và các đơn vị thành viên được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN tương ứng với khoản ủng hộ, tài trợ của công ty mẹ và từng đơn vị thành viên. Công ty mẹ phải có Biên bản hoặc văn bản, tài liệu xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ nêu tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022. Đơn vị thành viên phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật và có văn bản xác nhận của công ty mẹ về khoản ủng hộ, tài trợ của từng đơn vị thành viên.

+ Hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có: Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp, tổ chức là đơn vị ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ; kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật.

- Về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (sau đây gọi là Quỹ) theo Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/12/2022 và áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế từ kỳ tính thuế TNDN năm 2022:

+ Khoản trích Quỹ được xác định theo từng kỳ tính thuế TNDN và được trừ vào thu nhập tính thuế TNDN khi xác định thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế;

+ Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế đối với các khoản chi từ Quỹ và các khoản tiền chậm nộp, tiền lãi phát sinh từ số thuế TNDN phải nộp xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 67/2022/TT-BTC.

+ Trường hợp trong năm, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cho hoạt động khoa học và công nghệ vượt quá số tiền hiện có tại Quỹ thì được lựa chọn tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ tính thuế hoặc trích trước Quỹ của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

+ Doanh nghiệp phải lập hồ sơ tài sản cố định được hình thành từ nguồn Quỹ để theo dõi quản lý theo quy định pháp luật và không được tính khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, bao gồm các trường hợp sau:

- Tài sản cố định hình thành để phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

- Mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 7 Luật Chuyển giao công nghệ để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

- Mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong 02 năm (năm 2022 và năm 2023) theo nội dung nêu tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Trường hợp tài sản cố định đã được hình thành từ nguồn Quỹ để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ chưa hết hao mòn, nếu chuyển giao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì phần giá trị còn lại của tài sản cố định tính vào thu nhập khác và phần giá trị còn lại của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

+ Trường hợp tài sản cố định đã được hình thành từ nguồn Quỹ chưa hết hao mòn vừa dùng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, đồng thời dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì doanh nghiệp tiếp tục theo dõi quản lý theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và không phải tính khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

+ Trường hợp tài sản cố định được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, sau đó được chuyển giao phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì giá trị của tài sản cố định tính vào thu nhập khác và giá trị của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

2. Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (TNCN) kỳ tính thuế năm 2022

2.1. Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN năm 2022

- Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công: Thời hạn quyết toán là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (ngày 31/3/2023);

- Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế: Thời hạn quyết toán chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (ngày 04/5/2023) (ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 91/2022/NĐ-CP);

- Trường hợp cá nhân trực tiếp quyết toán thuế TNCN chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn thì không xử phạt

vi phạm hành chính đối với hành vi chậm nộp hồ sơ quyết toán thuế (theo điểm b khoản 2 Điều 141 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14).

2.2. Mẫu biểu hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN:

- Đối với các tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công:

+ Tờ khai quyết toán thuế TNCN (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công) theo mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

+ Các phụ lục kèm theo tờ khai quyết toán mẫu số 05/QTT-TNCN (tùy theo thực tế phát sinh của đơn vị):

▪ Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần theo mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN;

▪ Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần theo mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN;

▪ Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh theo mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN.

- Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế:

+ Tờ khai quyết toán thuế TNCN (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công) theo mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

+ Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc theo mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN;

+ Các tài liệu kèm theo (*tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế*):

▪ Bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (*nếu có*). Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế;

▪ Bản sao Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc Bản sao chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế trong trường hợp theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp;

▪ Bản sao các hóa đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (*nếu có*);

▪ Tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài trong trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài;

▪ Hồ sơ đăng ký người phụ thuộc quy định tại khoản 9.11 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC (nếu tính giảm trừ cho người phụ thuộc tại thời điểm quyết toán thuế đối với người phụ thuộc chưa thực hiện đăng ký người phụ thuộc).

2.3. Một số lưu ý khi thực hiện khai quyết toán thuế TNCN năm 2022.

- Về mức giảm trừ gia cảnh: Đối với cá nhân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng; đối với người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng/người.

- Cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp hằng năm sau quyết toán thuế TNCN từ tiền lương, tiền công từ 50.000 đồng trở xuống thì được miễn thuế TNCN, đồng thời cá nhân không phải nộp tờ khai quyết toán thuế TNCN.

3. Khai quyết toán thuế tài nguyên (trừ dầu thô, khí thiên nhiên)

- Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên năm 2022 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm (31/3/2023).

- Hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên gồm:

+ Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên theo mẫu số 02/TAIN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động sản xuất thủy điện theo mẫu số 01-1/TAIN (nếu có).

4. Khai quyết toán các khoản phí thuộc ngân sách nhà nước (trừ phí do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và phí hải quan).

- Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán phí năm 2022: chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm (31/3/2023).

- Hồ sơ khai quyết toán:

+ Hồ sơ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản: Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường (áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản) theo mẫu số 02/PBVMT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

+ Hồ sơ khai quyết toán các khoản phí thuộc ngân sách nhà nước khác: Tờ khai quyết toán phí theo mẫu số 02/PH ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Để tránh nộp chậm Hồ sơ khai quyết toán năm 2022, các đơn vị thực hiện chuẩn bị dữ liệu khai quyết toán để lập và gửi Hồ sơ thông qua các phương thức điện tử tới cơ quan thuế trước thời điểm kết thúc hạn nộp để có thể điều chỉnh kịp thời nếu có sai sót. Quý đơn vị có thể tìm hiểu thêm trên Trang thông tin điện tử Cục Thuế tỉnh Hà Nam tại địa chỉ Website <http://hanam.gdt.gov.vn>.

Để tiếp tục đồng hành cùng người nộp thuế, kịp thời hỗ trợ giải đáp vướng mắc của người nộp thuế liên quan đến việc khai quyết toán thuế năm 2022, Cục thuế tỉnh Hà Nam tổ chức chương trình “**Tháng hỗ trợ quyết toán thuế năm 2022**” thời gian từ ngày 01/3/2023 đến hết ngày 31/3/2023 qua các hình thức: điện thoại, email (ttht.hna@gdt.gov.vn), hệ thống kênh thông tin hỗ trợ người nộp thuế qua eTax, hoặc trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” của cơ quan Thuế.

Ngành Thuế tỉnh Hà Nam duy trì, hỗ trợ tại Bộ phận “Một cửa” cơ quan thuế; đồng thời cam kết sẽ hỗ trợ, giải quyết nhanh nhất các vướng mắc phát sinh trong kỳ quyết toán thuế năm 2022. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin vui lòng liên hệ cơ quan thuế trực tiếp quản lý hoặc theo điện thoại:

Phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ NNT: 0226.3829232, 0226.3851553. Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 1: 0226.3851545, Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 2: 0226.3847846. Phòng Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác: 0226.3851552. Phòng Công nghệ thông tin: 0226.3829733. Phòng Kế khai và Kế toán thuế: 0226.3841583.

Chi cục Thuế khu vực Phủ Lý – Kim Bảng: 0226.3616188; Chi cục Thuế khu vực Duy Tiên – Lý Nhân: 0226.3832537; Chi cục Thuế khu vực Thanh Liêm – Bình Lục: 0226.3773266.

Cục Thuế tỉnh Hà Nam cung cấp thông tin để Quý doanh nghiệp; cơ quan chi trả thu nhập và Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Hà Nam biết, thực hiện.

Cục Thuế tỉnh Hà Nam trân trọng đề nghị:

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Hà Nam, Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Hà Nam, các Đại lý thuế trên địa bàn tỉnh Hà Nam giúp phối hợp tuyên truyền.

- Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh; Báo Hà Nam; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hà Nam; Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam giúp tuyên truyền, đăng tải nội dung nêu trên.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các Quý cơ quan, đơn vị; sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp và cộng đồng người nộp thuế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục thuế;
- Các Phòng, Chi cục Thuế;
- Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hà Nam;
- Báo Hà Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Hà Nam;
- Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Hà Nam;
- Lưu: VT, Web, TTHT.

}

Đề phối
hợp
tuyên
truyền

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Quang Hộ